

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 287/2022/HNGĐ-ST

Ngày 01 - 12 - 2022

*“V/v không công nhận vợ chồng”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Út

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Nguyễn Hoàng Dân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 567/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “không công nhận vợ chồng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 333/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *N đơn:* Chị Kiều N, sinh năm: 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: Đường Đặng Tấn T, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 22A/10, đường Nguyễn T, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa N đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh T chung vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, hôn nhân của anh chị là tự nguyện. N nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi và anh T có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, hiện nay chị không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Khắc N, sinh ngày 08/8/2005 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 06/3/2008. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định không có và không ai nợ lại vợ chồng.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa bị đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định, hôn nhân của anh chị là tự nguyện. Chị N trình bày anh có người phụ nữ khác bên ngoài chỉ là chị N hiểu lầm, nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Khắc N, sinh ngày 08/8/2005 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 06/3/2008. Khi ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị N nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác định không có và không ai nợ lại vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N xin ly hôn với anh T được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại thành phố Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Kiều N và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Do hôn nhân của anh chị có vi phạm về mặt hình thức theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị N và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị N và anh T đều xác định quá trình sống chung anh chị có hai người con chung tên: Nguyễn Khắc N, sinh ngày 08/8/2005 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 06/3/2008. Hiện nay, 02 con chung đang sống chung với chị N nên anh chị thống nhất giao 02 con chung cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con với anh T. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Khắc N và Nguyễn Thảo N nên chấp nhận.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh T, chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T, chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1/ Về hôn nhân: Không công nhận chị Kiều N và anh Nguyễn Hữu T là vợ chồng.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung là Nguyễn Khắc N, sinh ngày 08/8/2005 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 06/3/2008 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Anh T, chị N xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ chung: Anh T, chị N xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Kiều N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 14/10/2022 chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0002191 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu, nộp N sách nhà nước.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Út**





